TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05/5/2020
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung P - H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1995; ĐKHK: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị P và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/02/2020 và tại bản tự khai ngày 05/02/2020, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn chị P và anh H cùng chung sống ở gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã M, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ tháng 12 năm 2019, chị P cùng con gái đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn L, xã X, huyện T sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị P làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 14/5/2016. Từ khi sinh con đến nay chị là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L do cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai đề ngày 09/3/2020, bị đơn – anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận thời gian, điều kiện và H cảnh kết hôn như chị P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh H tại thôn Đ, xã M, huyện T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Chị P đã mang con về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 12/2019 và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung như chị P đã trình bày, hiện nay con chung đang ở với chị P. Ly hôn, anh đề nghị tiếp tục để chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2020, Ủy ban nhân dân xã M, huyện T và cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Lê Văn H, sinh ngày 05/6/1995 và chị Trần Thị P, sinh ngày 28/8/1995 đều là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị P và anh H có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn, chị P và anh H chung sống với nhau được một thời gian thì chị P bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng chị P và anh H có xảy ra tình trạng đánh cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, ngoài ra còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác nữa thì địa phương không nắm được, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng chị P vẫn kiên quyết bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã X sinh sống. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã M về việc chị P xin ly hôn anh H là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng và các bên đương sự kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Theo sổ theo dõi khai sinh tại địa phương thì chị P và anh H có một con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 14/5/2016. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc chị P và anh H có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Lê Văn H; Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Thị Thùy L, sinh ngày 14/5/2016 cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng

nuôi con. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh H đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị P và anh Lê Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 19/02/2016. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn,trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ tháng 12 năm 2019, chị P cùng con gái đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị P ở thôn L, xã X, huyện T sinh sống, từ đó đến nay không hỏi han đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P xin ly hôn anh H cũng đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị P và anh H có một con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 14/5/2016, hiện đang ở cùng với chị P. Ly hôn chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L do cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ. Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý. Xét nguyện vọng của chị P và anh H cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu L, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Lê Thị Thùy L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh H đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 14/5/2016. Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002116 ngày 05/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã M
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh